

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC THƠ ĐƯỜNG TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

○ ThS. LÁ PHƯƠNG THÚY*

Thơ Đường (TD) là thành tựu rực rỡ nhất của văn học đời Đường, một đỉnh cao của thơ cổ điển Trung Quốc. Tuy nhiên, việc giảng dạy các tác phẩm văn học nước ngoài, đặc biệt là dạy học TD còn gặp nhiều khó khăn trong nhà trường phổ thông hiện nay. TD là phần văn học nước ngoài đặc biệt có giá trị, nhất là khi đặt trong sự liên hệ với văn học Việt Nam trung đại và hiện đại. Song, để hiểu và cảm nhận những giá trị đích thực của TD thực không đơn giản, nhất là với học sinh (HS) trung học phổ thông nước ta - những đối tượng của một nền văn hóa khác, một thời đại khác.

1. Một số khó khăn trong dạy học TD ở nhà trường phổ thông

1) *Sự khác biệt về ngôn ngữ.* Ngôn ngữ là công cụ để tư duy, là phương tiện để thể hiện và biểu cảm trong văn bản. Vì vậy, nếu không hiểu một cách tường tận về ngôn ngữ, HS sẽ gặp trở ngại ngay trong lần tiếp xúc đầu tiên với văn bản. Với TD, mặc dù tiếng Hán có ít nhiều mối quan hệ thân thuộc với tiếng Việt nhưng rõ ràng những từ cổ, từ đa nghĩa, tượng hình,... vẫn là những thử thách thực sự đối với HS. Để các em có thể nhận ra những nghĩa khác nhau của từ «*phong*», «*đi*», «*thiên*»,... Giáo viên (GV) sẽ phải mất nhiều công sức và thời gian để giải thích một cách thấu đáo, tỉ mỉ. Vì thế, nhằm giảm bớt sự cách biệt về ngôn ngữ, GV có thể cho HS *tiếp xúc với bản dịch thơ*. Tuy nhiên, có một khó khăn đặt ra ở đây (nhiều khi lớn hơn cả sự cách biệt ngôn ngữ): các bản dịch thơ thường xa rời và không thể hiện hết được cái hay của nguyên tác. Đây chính là những «*rào cản*» khó khắc phục của người dạy văn nói chung và đặc biệt là dạy TD nói riêng.

Bên cạnh đó, việc bỏ học chữ Hán, chữ Nôm, tiếng Trung Quốc trong các nhà trường phổ thông một thời gian dài nên cả GV và HS không có điều kiện để đọc văn bản gốc cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự cách biệt về ngôn ngữ.

2) Những khó khăn về thi pháp thể loại.

Với đặc trưng là một ngôn ngữ đa nghĩa, giàu tính tượng thanh, tượng hình, TD trở thành một thể loại thực sự khó cảm nhận đối với người nghiên cứu văn học chứ chưa nói đến đối tượng là HS THPT. Có thể kể ra ở đây rất nhiều những khó khăn về mặt thi pháp thể loại mà HS sẽ phải vất vả để khắc phục khi học TD như tính hàm súc, cấu trúc thi pháp, niêm, luật, nhịp, đối, vần, phương thức quan sát và miêu tả thế giới...

3) *Khoảng cách thời đại.* TD là kết tinh những mẫu mực, đỉnh cao của thơ cổ điển Trung Quốc; vì thế, để HS lứa tuổi 16-17 có thể hiểu được tâm sự của các nhà thơ «*đầu bạc*» ở cùng một thời đại đã là khó, đây lại là các nhà thơ lỗi lạc ở một quá khứ cách đây hơn 1000 năm, quả thật là nan giải. Làm sao để HS ở một thời đại công nghệ thông tin như hiện nay có thể đồng cảm với những nhớ nhung, sầu muộn trước nhân tình thế thái với những triết lí nhân sinh của các nhà TD thật sự là thử thách lớn đối với mỗi GV - trong khi việc đọc văn, học văn thực chất là để «*một tấm lòng đến với một tấm lòng*»; nếu không có sự rung động, đồng cảm thật sự, các em chắc chắn sẽ chỉ thấy được cái vỏ «*vô hồn*» của ngôn ngữ mà thôi.

Ngoài ra, việc nghiên cứu TD từ trước đến nay còn nhiều bất cập, có rất ít công trình nghiên cứu một cách chuyên sâu, cũng như không có sự đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kế tục trong các trường đại học chung và trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy TD nói riêng. Đây cũng là những khó khăn lớn mà mỗi GV khi giảng dạy TD sẽ phải vượt qua nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

2. Một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy học TD trong nhà trường phổ thông

1) *Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng thể loại* để HS không chỉ hiểu đúng mà còn có thể tự mình phân tích, tìm hiểu những tác phẩm cùng thể loại; bao gồm: - Yếu tố chi phối sự hình thành, phát triển và đặc điểm của

* Trường Đại học giáo dục - Đại học quốc gia Hà Nội

TĐ (yêu cầu HS nắm được ở mức độ khái quát những yếu tố trực tiếp tác động tới TĐ như hoàn cảnh chính trị - xã hội, hệ tư tưởng triết học - chính trị,...); - Đặc điểm cần chú ý trong thế giới nghệ thuật của TĐ (như phân loại, cấu trúc thi pháp, ngôn ngữ, phương thức quan sát và miêu tả thế giới...).

2) *Hướng dẫn HS tiếp xúc và cảm nhận TĐ từ văn bản phiên âm.* Để tránh việc xa rời và hiểu sai văn bản nguyên tác cũng như thấy được cái hay đích thực trong từng từ ngữ của văn bản thơ, GV cần có những giải thích, phân tích từ khó, từ cổ, so sánh sự khác biệt giữa bản dịch thơ và nguyên tác trong quá trình hướng dẫn HS tiếp nhận TĐ. Ví dụ, trong bài *«Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng»* (Lý Bạch), ở câu thơ: *«Cô phàm viễn ảnh bích không tận»*, bản dịch thơ: *«bóng buồm đã khuất bầu không»* đã bỏ sót rất nhiều từ như *«cô», «viễn», «bích»* (1) khiến HS không thể cảm nhận được sự lẻ loi, cô độc của cánh buồm, không hình dung được hình ảnh cánh buồm xa dần, mất hút vào khoảng không, từ đó mới nhận ra sự tương phản giữa cánh buồm nhỏ bé, lẻ loi với không gian vô tận mà thấm thía nỗi buồn nhớ, lưu luyến trong lòng người đưa tiễn. Do đó, GV cần chỉ ra sự thiếu sót cũng như hướng dẫn các em so sánh để tự phát hiện, thấy được cái hay của từng từ ngữ cũng như khẳng định tài năng của tác giả.

3) *Khắc phục khoảng cách tâm lí cho HS.* TĐ thường khó đọc, khó nhớ, khó thuộc nên khó tiếp nhận đối với HS. Những nỗi niềm, tâm sự thâm kín, triết lí nhân sinh – thế sự của người xưa khá xa lạ với tâm hồn, tình cảm và tư duy của học trò hiện nay. Vì vậy, muốn các em hiểu và yêu TĐ, GV cần *tái hiện lại thế giới cổ xưa của Đường thi* khiến nó trở nên gần gũi, thân thuộc bởi sự cảm thông, thấu hiểu của học trò thời hiện đại. Ví dụ khi dạy bài *«Thu hứng»* của Đỗ Phủ (2), GV cần làm sống lại không khí Đường thi, đưa HS trở về với không khí của đất nước Trung Hoa khoảng những năm 766 với khung cảnh thiên nhiên hoang vu, hiu hắt, có tiếng đập vải may áo rét rộn ràng trong bóng hoàng hôn, gọi lên đặc trưng của mùa thu,... qua đó, HS sẽ có những cảm nhận về không khí của bài thơ.

Ngoài ra, GV có thể sưu tầm tranh ảnh về tác giả (chân dung, một số tác phẩm nổi tiếng của thi nhân...), tác phẩm (cảnh thu hiu hắt, cảnh thành Bạch Đế, núi Vu, kềm Vu...) để in ra hoặc trình

chiếu cho HS xem (trực quan) giúp các em dễ hình dung ra khung cảnh mà các nhà thơ đời Đường đã miêu tả như thế nào; đề nghị HS tự sưu tầm theo nhóm để kích thích sự hứng thú với bài học và nâng cao kĩ năng hợp tác trong làm việc nhóm của các em,...; cho HS xem các đoạn video liên quan đến bài học (như video ngâm bài thơ *«Thu hứng»* bằng tiếng Hán...; kể cho HS nghe những giai thoại vui liên quan đến nhà thơ hoặc hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Làm được như vậy, GV vừa tạo hứng thú cho HS, vừa dẫn dắt các em đi vào thế giới Đường thi một cách tự nhiên, logic.

4) *Liên hệ với thơ ca Việt Nam.* Để TĐ không chỉ góp phần làm giàu thêm tâm hồn các em mà còn thực sự hữu ích cho quá trình học văn học Việt Nam, GV phải luôn có ý thức đặt những đề tài, tứ thơ đặc sắc cùng các bút pháp nghệ thuật đặc trưng... của TĐ vào vị trí là *«những mẫu mực cổ điển»* trong sự liên hệ với thơ ca Việt Nam. GV có thể hướng HS đến với những tứ thơ đẹp của Thôi Hộ *«đào hoa y cựu tiếu đông phong»* hay của Thôi Hiệu: *«Nhật mộ hương quan hà xứ thị/ Yên ba giang thượng sử nhân sầu»* trong sự liên hệ với câu thơ của Nguyễn Du *«Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông»*, và sau này là *«Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà»* (*«Tràng giang»* - Huy Cận); hoặc khi dạy bài *«Thu hứng»* của Đỗ Phủ, người dạy không thể bỏ qua việc liên hệ đề tài *«vịnh thu»* từ thi phẩm này tới các tác gia văn học Trung đại Việt Nam (như Nguyễn Khuyến, Nguyễn Du,...) hay các nhà Thơ mới (như Xuân Diệu,...). Việc làm này sẽ giúp HS không chỉ thấy được sự tiếp nối, phát triển trong cùng một đề tài ở các tác gia trong các thời đại khác nhau mà còn thấy được cái hay, phong cách riêng của mỗi nhà thơ, từ đó hình thành ở các em một cái nhìn tương quan so sánh cũng như thấy được sự phát triển của dòng chảy văn học thế giới.

Dạy học TĐ trong nhà trường phổ thông chắc chắn sẽ còn gặp nhiều khó khăn vì đây là một thể loại khó không chỉ với HS mà ngay cả với GV. Những ý kiến trên đây của chúng tôi chỉ là những gợi ý có tính tham khảo cùng đồng nghiệp. Điều quan trọng là tùy vào mỗi văn bản cụ thể, người dạy cần có sự linh hoạt, khéo léo khi vận dụng các biện pháp để việc dạy TĐ nói riêng và dạy
(Xem tiếp trang 51)

các mục tiêu, nội dung môn học, biết phân tích kiến thức của tiết học để tạo ra các tình huống DH cho HS hoạt động.

Từ thực tiễn DH, chúng tôi nhận thấy, để nâng cao chất lượng DH, nhà trường cần: - Cần trang bị cho SVSP các PMDH trong suốt quá trình các em học tập ở bậc ĐH, đặc biệt là khi học các môn nghiệp vụ SP, điều này sẽ giúp các em có kỹ năng sử dụng CNTT và dễ dàng hoàn thành bài giảng hơn; - Nhà trường cần tạo điều kiện cho SV được sử dụng phòng máy, mỗi em có một máy tính để thực hành; - Trong các tiết thực tập SP ở trường phổ thông, nhà trường cần yêu cầu SV soạn một hoặc hai GADT. Khi đó, SV sẽ có động lực hơn trong việc tiếp cận CNTT. □

(1) Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn. **Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực.** NXB Giáo dục, H. 2008.

Một số biện pháp nâng cao...

(Tiếp theo trang 33)

học văn học nước ngoài nói chung đạt được kết quả tốt nhất. □

(1), (2). **Ngữ văn 10** (tập 1). NXB Giáo dục, H.2007.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Viết Chữ. **Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường.** NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.
2. Nguyễn Thị Bích Hải. **Bình giảng Thơ Đường.** NXB Giáo dục, H. 2003.
3. Phan Trọng Luận. **Phương pháp dạy học văn.** NXB Giáo dục, H. 2008.
4. Phùng Văn Tửu. **Cảm thụ và giảng dạy văn học nước ngoài.** NXB Giáo dục, H. 2002.

SUMMARY

Tang Poetry is the culmination of classical Chinese poetry. However, teaching of foreign literature in general and Tang poetry in particular is difficult and this even for teachers. Therefore, when pupils learning this Chinese poetry, they may encounter many difficulties due to language differences, the poetics of genre and age gap... To partially overcome these difficulties, teacher can introduce some measures to improve the Tang poetry teaching quality, such as: to provide pupils with basic understanding of genre, to guide pupils get in touch and feel of Tang poetry from transcribed text, to close psychological distance for pupils, and to teach Tang poetry in the comparison with Vietnamese poetry.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Bá Kim. **Phương pháp dạy học môn Toán.** NXB Đại học sư phạm, H. 2009.
2. Đào Thái Lai. "Một số yêu cầu về kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin đối với người giáo viên". *Tạp chí Giáo dục*, số 231/2010.
3. Laxman Mohanty và Neharika Vohra. **Chiến lược phát triển công nghệ thông tin trong trường học.** NXB Đại học sư phạm, H. 2009.
4. Hee-chan Lew. *Pappus in a Modern Dynamic Geometry: An Honest way from Deductive Proof*, ICMI 17th Study (Technology Revisited), 2006.

SUMMARY

In this article, on the base of finding out about the role of Information Technology in teaching mathematics at school and status of training the skill of using Information Technology for mathematics pedagogic students at some universities, we build a process of training that skill for students and initially test the effectiveness of that process.

Xây dựng hệ thống câu hỏi...

(Tiếp theo trang 35)

với các bài kiểm tra tự luận và thực hành, hệ thống CHTN sẽ phát huy thế mạnh: nó có khả năng đánh giá với số lượng lớn bài kiểm tra.

Thử nghiệm bước đầu cho thấy hệ thống đó có tính khả thi và tính hiệu quả. Cần triển khai vận dụng trong KT-ĐG môn PPDH tiếng Việt, CT đào tạo GVTH theo hệ thống tín chỉ. □

(1) *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

(2) Đỗ Đình Hoan. *Đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học.* Tài liệu Hội nghị tập huấn về đổi mới đánh giá ở tiểu học, H. 1998.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Phương Nga (chủ biên). **Phương pháp dạy học Tiếng Việt** (tập 1; 2). Giáo trình dùng cho hệ đào tạo từ xa. NXB Đại học sư phạm, H. 2009.

SUMMARY

This paper presents a questions system for test-assessment in Vietnamese teaching methodology in Faculty of Primary Education of Hong Duc university. From the reality of Primary teacher training in credit system, author emphasize to questions assessing knowledge, skills, and attitudes of students, attentions to questions about contents in this subject.